

nhân khẩu của xã Hiệp Tân (phân điều chỉnh vào thị xã); 49 ha diện tích tự nhiên và 3.408 nhân khẩu của xã Hiệp Ninh.

Phường IV có 188 ha diện tích tự nhiên và 11.223 nhân khẩu.

Địa giới hành chính phường IV: Đông giáp huyện Hòa Thành; Tây giáp phường III; Nam giáp huyện Hòa Thành; Bắc giáp phường Hiệp Ninh.

b) Thành lập phường Hiệp Ninh thuộc thị xã Tây Ninh trên cơ sở 331 ha diện tích tự nhiên và 17.728 nhân khẩu còn lại của xã Hiệp Ninh.

Địa giới hành chính phường Hiệp Ninh: Đông giáp xã Ninh Thạnh; Tây giáp phường III và phường I; Nam giáp phường IV và huyện Hòa Thành; Bắc giáp xã Ninh Sơn và Ninh Thạnh.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Hòa Thành để mở rộng thị xã Tây Ninh và thành lập các phường thuộc thị xã:

- Thị xã Tây Ninh có 13.965 ha diện tích tự nhiên và 112.393 nhân khẩu, gồm 10 đơn vị hành chính trực thuộc: phường I, phường II, phường III, phường IV, phường Hiệp Ninh và các xã: Bình Minh, Tân Bình, Ninh Thạnh, Ninh Sơn và Thạnh Tân.

Địa giới hành chính thị xã Tây Ninh sau khi mở rộng: Đông giáp huyện Dương Minh Châu; Tây giáp huyện Châu Thành; Nam giáp huyện Hòa Thành; Bắc giáp huyện Tân Biên và huyện Tân Châu.

- Huyện Hòa Thành còn lại 8.316 ha diện tích tự nhiên và 129.040 nhân khẩu, có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Long Thành Nam, Long Thành Trung, Long Thành Bắc, Trường Tây, Trường Đông, Trường Hòa, Hiệp Tân và thị trấn Hòa Thành.

- Xã Hiệp Tân thuộc huyện Hòa Thành còn lại 485 ha diện tích tự nhiên và 8.635 nhân khẩu.

3. Thành lập xã Thạnh Bắc thuộc huyện Tân Biên trên cơ sở 9.164 ha diện tích tự nhiên và 2.960 nhân khẩu của xã Thạnh Bình.

Địa giới hành chính xã Thạnh Bắc: Đông giáp huyện Tân Châu; Tây giáp xã Thạnh Tây; Nam giáp xã Thạnh Bình; Bắc giáp xã Tân Lập.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã Thạnh Bắc, xã Thạnh Bình còn lại 11.500 ha diện tích tự nhiên và 8.404 nhân khẩu.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHẦN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 47/2001/ND-CP ngày 10/8/2001 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Du lịch.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990;

Căn cứ Pháp lệnh Du lịch ngày 08 tháng 2 năm 1999;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thanh tra Du lịch là tổ chức Thanh tra Nhà nước chuyên ngành về du lịch, có chức năng thanh tra trên các lĩnh vực hoạt động du lịch, bao gồm quản lý nhà nước về du lịch; kinh doanh du lịch; bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên và tài sản quốc gia trong du lịch; xúc tiến, hợp tác quốc tế về du lịch; khách du lịch và các hoạt động du lịch khác.

Điều 2. Tổ chức của Thanh tra Du lịch.**1.** Tổ chức của Thanh tra Du lịch gồm:

a) Thanh tra Tổng cục Du lịch: thực hiện chức năng của tổ chức Thanh tra Bộ (cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) trong lĩnh vực quản lý nhà nước về du lịch, kinh doanh và hoạt động du lịch;

b) Thanh tra Sở Du lịch, Thanh tra Du lịch thuộc Thanh tra của các Sở khác có chức năng quản lý nhà nước về du lịch (gọi là Sở quản lý nhà nước về du lịch): thực hiện chức năng của tổ chức Thanh tra Sở trong lĩnh vực quản lý nhà nước về du lịch, kinh doanh và hoạt động du lịch thuộc địa bàn quản lý.

2. Thanh tra Tổng cục Du lịch, Thanh tra Sở Du lịch có con dấu riêng; có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật, được trang bị sắc phục thống nhất theo quy định của Tổng Thanh tra Nhà nước và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch; Thanh tra Du lịch thuộc Thanh tra Sở quản lý nhà nước về du lịch sử dụng con dấu chung của Thanh tra Sở chủ quản.

3. Bộ máy tổ chức cụ thể của Thanh tra Du lịch do Thủ trưởng cơ quan cùng cấp quy định sau khi thống nhất với Thủ trưởng tổ chức Thanh tra Nhà nước cùng cấp.

Điều 3. Đối tượng của Thanh tra Du lịch.**1.** Đối tượng của Thanh tra Tổng cục Du lịch:

a) Tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tổng cục Du lịch;

b) Tổ chức, cá nhân người Việt Nam tham gia kinh doanh, hoạt động du lịch trong và ngoài nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia kinh doanh, hoạt động du lịch tại Việt Nam trong phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục Du lịch;

c) Những việc thuộc thẩm quyền của Thanh tra Sở Du lịch, Thanh tra Du lịch thuộc Thanh tra Sở quản lý nhà nước về du lịch đã giải quyết nhưng đương sự vẫn còn khiếu nại và có đơn đề nghị Thanh tra Tổng cục Du lịch giải quyết.

2. Đối tượng của Thanh tra Sở Du lịch, Thanh tra Du lịch thuộc Thanh tra Sở quản lý nhà nước về du lịch (sau đây gọi chung là Thanh tra Sở Du lịch):

a) Tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Du lịch hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh, hoạt động du lịch thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở quản lý nhà nước về du lịch;

b) Tổ chức, cá nhân người Việt Nam tham gia kinh doanh, hoạt động du lịch trong và ngoài nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia kinh doanh, hoạt động du lịch tại Việt Nam trong phạm vi quản lý nhà nước về du lịch thuộc địa bàn quản lý.

Điều 4. Nhiệm vụ của Thanh tra Tổng cục Du lịch.

1. Thực hiện nhiệm vụ của Thanh tra Bộ (cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tổng cục Du lịch:

a) Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về Thanh tra Du lịch, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác Thanh tra Du lịch, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

b) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý nhà nước của Tổng cục Du lịch trong việc thực hiện các quy

định của pháp luật về công tác thanh tra, chương trình, kế hoạch công tác, nghiệp vụ về Thanh tra Du lịch của cấp dưới;

c) Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra, công tác thanh tra du lịch cho thanh tra viên du lịch, cộng tác viên thanh tra du lịch, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục Du lịch, Sở Du lịch, Sở quản lý nhà nước về du lịch và các đối tượng khác tham gia kinh doanh, hoạt động du lịch;

d) Thực hiện nhiệm vụ do Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch giao về việc xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Tổng cục Du lịch, bao gồm việc tiếp nhận đơn, thư khiếu nại, tố cáo; xác minh, kết luận về vụ việc và kiến nghị với Tổng cục trưởng về biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

đ) Thanh tra việc thực hiện kế hoạch nhà nước; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi đối tượng thanh tra.

2. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành du lịch, bao gồm:

a) Thanh tra, kết luận về việc thực hiện các quy định của ngành du lịch, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến kinh doanh và hoạt động du lịch đối với các đối tượng thanh tra;

b) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi của tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh, hoạt động du lịch nếu xét thấy hành vi đó vi phạm nghiêm trọng các quy định của ngành, chính sách và pháp luật của Nhà nước về du lịch;

c) Xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị hoặc có biện pháp xử lý khiếu nại, tố cáo vi phạm các quy định trong lĩnh vực kinh doanh, hoạt động du lịch đối với các đối tượng thanh tra thuộc thẩm quyền hoặc thuộc đối tượng thanh tra

của cấp dưới đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nhưng đương sự vẫn còn khiếu nại.

Điều 5. Nhiệm vụ của Thanh tra Sở Du lịch.

1. Thực hiện nhiệm vụ của Thanh tra Sở đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Du lịch hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh, hoạt động du lịch thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở quản lý nhà nước về du lịch:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra du lịch, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

b) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý nhà nước của Sở trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về công tác thanh tra;

c) Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thanh tra, công tác thanh tra du lịch cho thanh tra viên du lịch, cộng tác viên thanh tra du lịch, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Du lịch, Sở quản lý nhà nước về du lịch và các đối tượng khác tham gia kinh doanh, hoạt động du lịch;

d) Thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Sở giao về việc xử lý khiếu nại, tố cáo tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Du lịch, Sở quản lý nhà nước về du lịch, bao gồm việc tiếp nhận đơn, thư khiếu nại, tố cáo; xác minh, kết luận về vụ việc và kiến nghị với thủ trưởng cùng cấp về biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

đ) Thanh tra việc thực hiện kế hoạch nhà nước; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi đối tượng thanh tra.

2. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành du lịch, bao gồm:

a) Thanh tra, kết luận về việc thực hiện các quy định của ngành du lịch, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến kinh doanh và hoạt động du lịch đối với các đối tượng thanh tra;

b) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi của tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh và hoạt động du lịch nếu xét thấy hành vi đó vi phạm nghiêm trọng các quy định của ngành, chính sách và pháp luật của Nhà nước về du lịch;

c) Xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị hoặc có biện pháp xử lý khiếu nại, tố cáo vi phạm các quy định trong lĩnh vực kinh doanh và hoạt động du lịch đối với các đối tượng thanh tra.

Điều 6. Quan hệ của Thanh tra Du lịch với các cơ quan khác.

1. Thanh tra Du lịch hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức, nghiệp vụ của tổ chức thanh tra cấp trên.

2. Thanh tra Du lịch có quan hệ phối hợp với thanh tra các ngành trong việc chỉ đạo công tác, nghiệp vụ thanh tra đối với các vấn đề liên quan đến du lịch; với các cơ quan công an, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân cùng cấp và cơ quan liên quan khác trong việc phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống các vi phạm, tội phạm.

Điều 7. Quyền hạn của Thanh tra Du lịch.

1. Kiến nghị với thủ trưởng cơ quan cùng cấp, tổ chức thanh tra cấp trên về biện pháp ngăn chặn, xử lý sau khi thanh tra, xác minh, kết luận vụ việc.

2. Yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho công tác thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức liên quan cử người tham gia công tác thanh tra.

3. Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của cơ quan cùng cấp hoặc của cấp dưới liên quan đến vụ, việc, đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho công tác thanh tra.

4. Tạm đình chỉ việc làm nếu xét thấy việc làm

đó vi phạm pháp luật, gây tác hại hoặc có nguy cơ gây tác hại đến lợi ích của Nhà nước hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân.

5. Tạm đình chỉ công tác, ~~cảnh cáo~~ đối với các đối tượng thanh tra thuộc phạm vi quản lý có hành vi cố ý gây cản trở cho việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra; trong trường hợp đối tượng không thuộc phạm vi quản lý thì báo cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Niêm phong tài liệu, kê biên tài sản; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tạm giữ tiền, đồ vật, đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động có liên quan trong trường hợp có căn cứ để nhận định là có vi phạm pháp luật và cần phải ngăn chặn, tìm biện pháp xử lý kịp thời.

7. Trưng cầu giám định, mời cộng tác viên tham gia công tác thanh tra trong trường hợp cần thiết.

8. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử phạt theo các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

9. Chuyển hồ sơ về việc vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra hình sự để xử lý theo quy định của pháp luật nếu xét thấy có dấu hiệu cấu thành tội phạm.

10. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của Thanh tra Du lịch.

1. Thanh tra Du lịch có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động, kinh doanh du lịch; giữ gìn pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh doanh, hoạt động du lịch.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của Thanh tra Du lịch theo đúng đối tượng và phạm vi thẩm quyền được quy định tại Nghị định này và pháp luật hiện hành về thanh tra.

3. Trước khi tiến hành thanh tra, thanh tra viên phải công bố quyết định thanh tra của cơ

quan có thẩm quyền, trong trường hợp đột xuất phải xuất trình thẻ thanh tra viên.

4. Triển khai kịp thời việc thanh tra theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan cùng cấp, tổ chức thanh tra cấp trên.

5. Trong quá trình thanh tra phải thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thời hạn thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Khi tiến hành thanh tra chỉ tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mọi hành vi, quyết định của mình.

7. Báo cáo thủ trưởng cơ quan cùng cấp, tổ chức thanh tra cấp trên về các kết quả thanh tra và kiến nghị các biện pháp xử lý, ngăn chặn.

Điều 9. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra du lịch được khen thưởng theo quy định của pháp luật; cán bộ, công tác viên thanh tra du lịch lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân mà xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 11. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch chủ trì, phối hợp với Tổng Thanh tra Nhà nước và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn việc thi hành Nghị định này.

Điều 12. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 47/L-CTN ngày 03 tháng 4 năm 1996;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương (sau đây gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân).

Điều 2. Tính chất và mục tiêu hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.

Quỹ tín dụng nhân dân là loại hình tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, thực hiện mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên, nhằm phát huy sức mạnh của tập thể và của từng thành viên giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống. Hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân phải bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy để phát triển.

Điều 3. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.